

An Giang, ngày 26 tháng 01 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 30-60cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước xuống chậm, mực nước cao nhất ngày 25/01 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 25-40cm. Mực nước thấp nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 55-60cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 25/01 phổ biến ở mức xấp xỉ đến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước xuống nhanh theo xu thế triều biển Tây, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước xuống chậm.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế lên chậm trong ngày đầu, sau xuống chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé có xu thế lên chậm theo triều. Đỉnh triều tại các trạm trong 5 ngày tới ở mức dưới BĐI.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Ít có khả năng xuất hiện.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có khả năng tác động.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 27/01/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



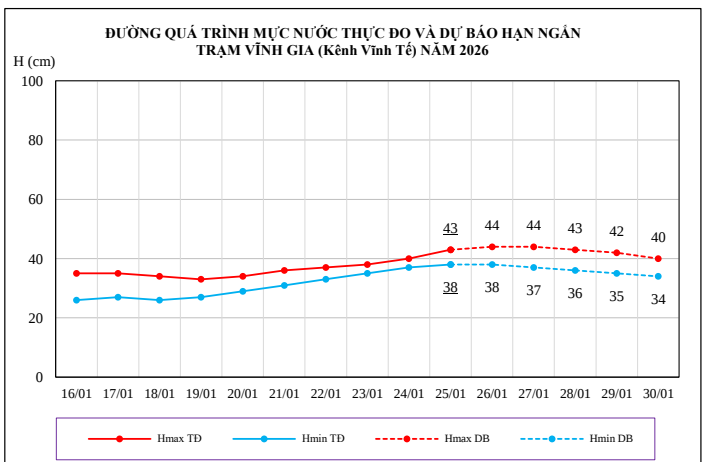
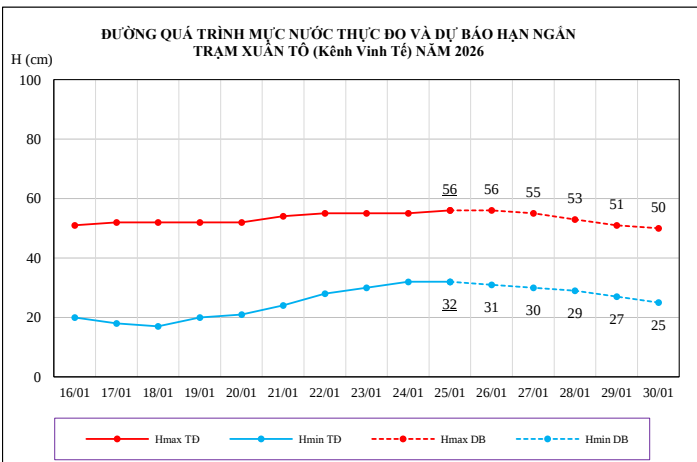
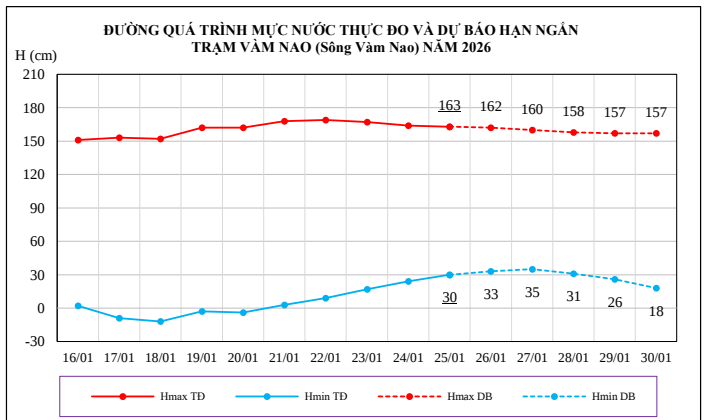
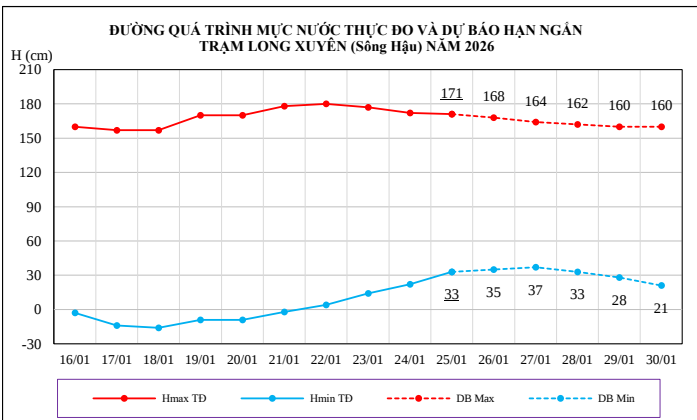
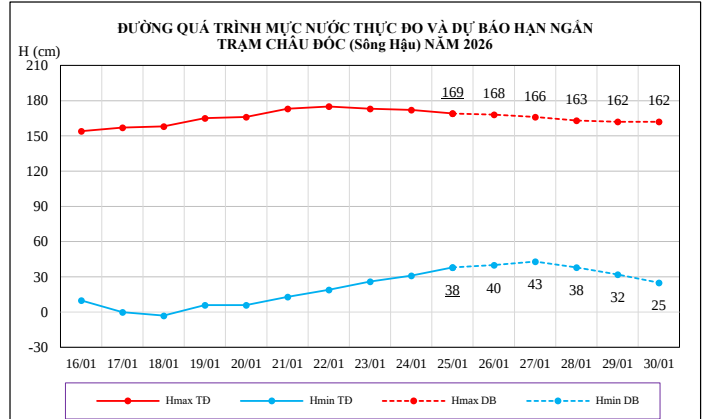
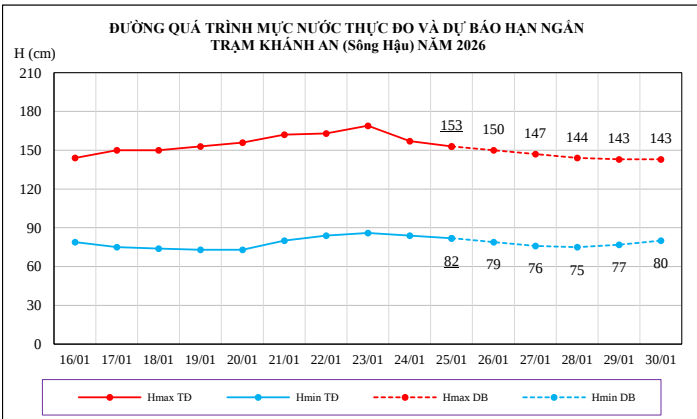
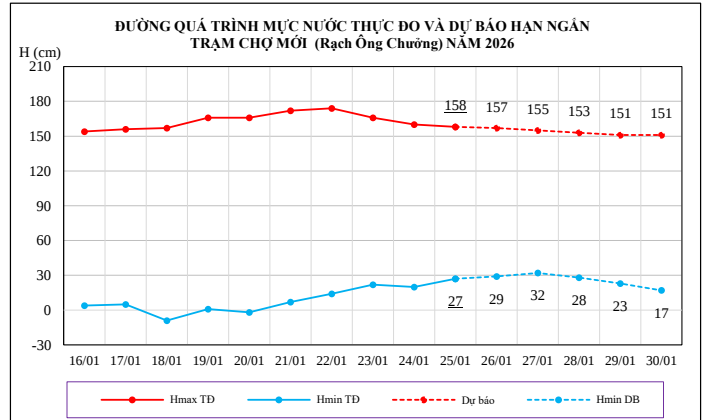
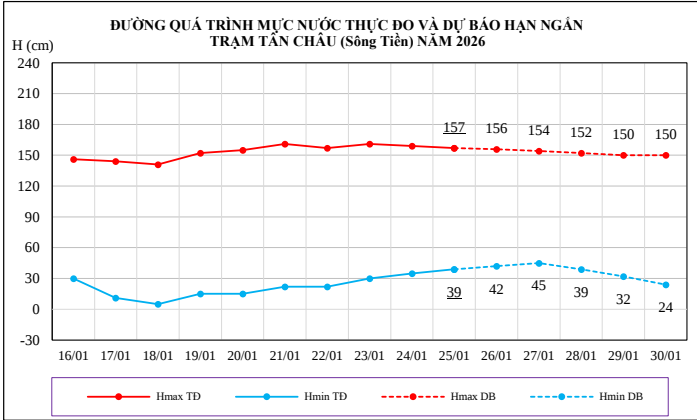
Nguyễn Thị Cẩm Loan

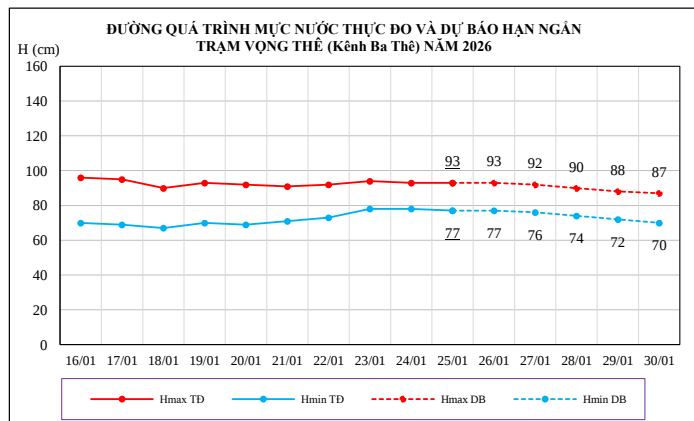
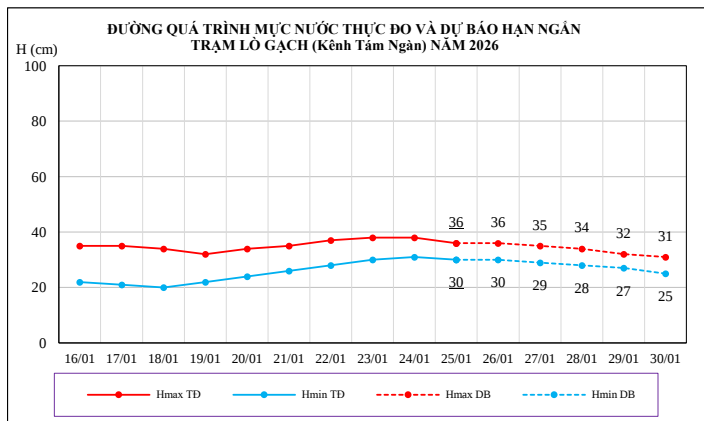
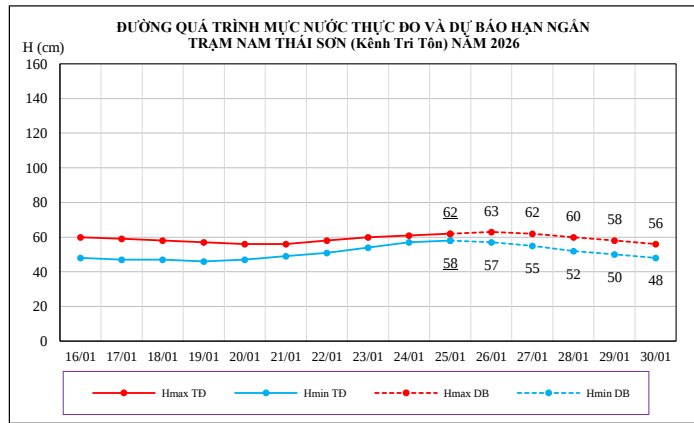
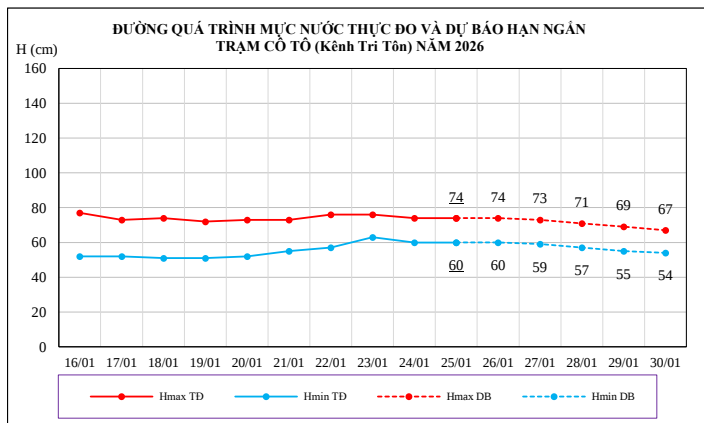
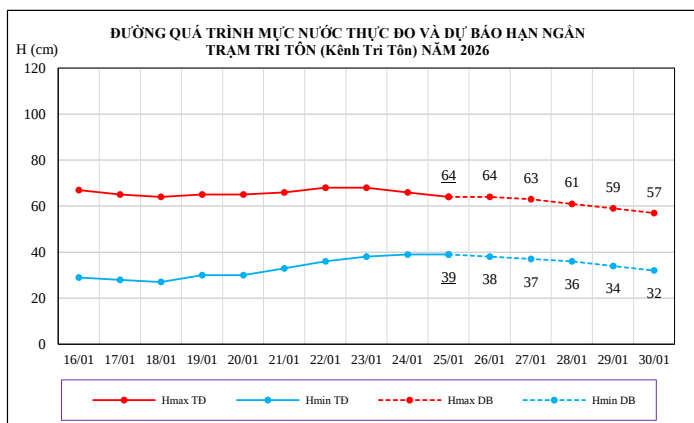
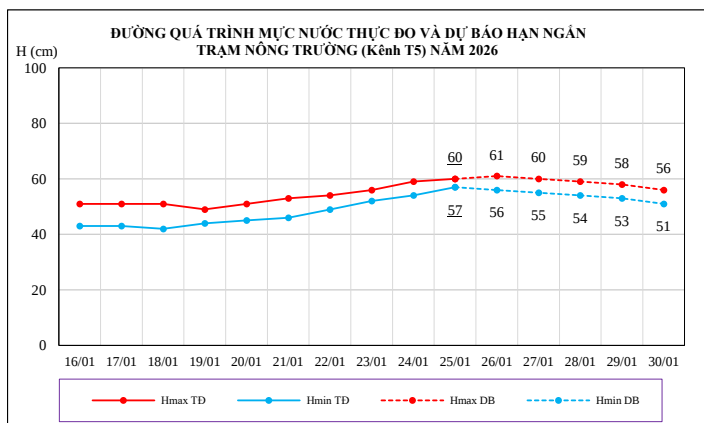
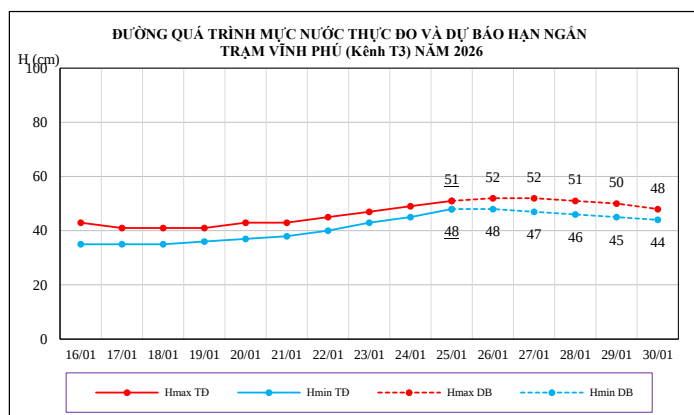
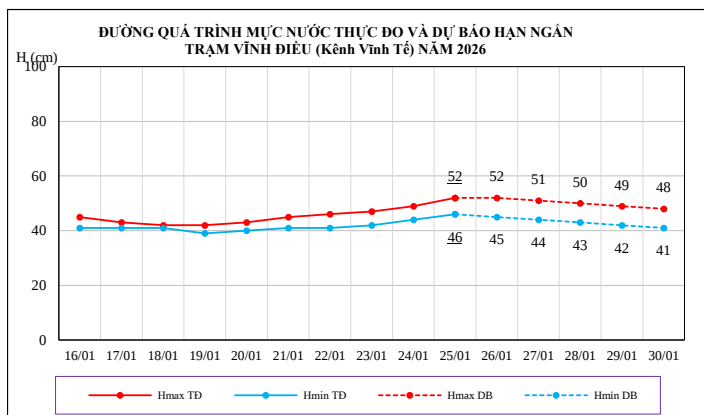
Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

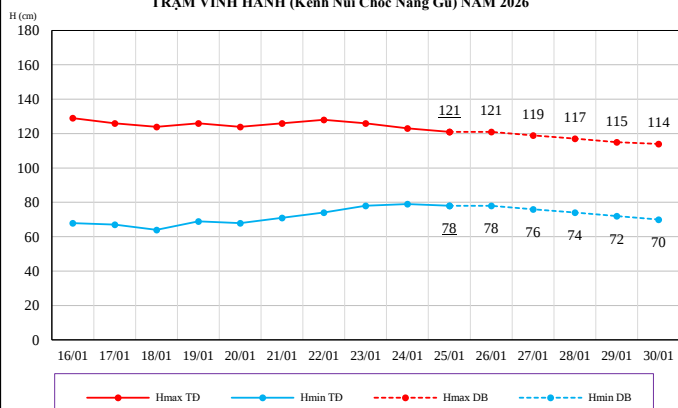
Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 25/01						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			26/1	27/1	28/1	29/1	30/1	26/1	27/1	28/1	29/1	30/1
		BDI	BDII	BDIII	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	39	55	-11	157	39	18	156	154	152	150	150	42	45	39	32	24
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	300	27	59	13	158	36	26	157	155	153	151	151	29	32	28	23	17
Hậu	Khánh An	420	470	520	82	62	2	153	37	7	150	147	144	143	143	79	76	75	77	80
	Châu Đốc	300	350	400	38	56	-1	169	36	28	168	166	163	162	162	40	43	38	32	25
	Long Xuyên	190	220	250	33	60	35	171	38	38	168	164	162	160	160	35	37	33	28	21
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	30	58	9	163	37	29	162	160	158	157	157	33	35	31	26	18
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	32	29	-2	56	20	-1	56	55	53	51	50	31	30	29	27	25
	Vĩnh Gia	200	240	280	38	27	6	43	22	7	44	44	43	42	40	38	37	36	35	34
	Vĩnh Điều	170	200	230	46	28	4	52	22	3	52	51	50	49	48	45	44	43	42	41
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	48	28	8	51	19	4	52	52	51	50	48	48	47	46	45	44
T5	Nông Trường	160	190	220	57	28	11	60	18	7	61	60	59	58	56	56	55	54	53	51
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	39	29	6	64	16	6	64	63	61	59	57	38	37	36	34	32
	Cô Tô	140	180	220	60	25	17	74	17	21	74	73	71	69	67	60	59	57	55	54
	Nam Thái Sơn	90	120	150	58	22	16	62	12	9	63	62	60	58	56	57	55	52	50	48
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	30	19	4	36	13	3	36	35	34	32	31	30	29	28	27	25
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	77	26	25	93	16	25	93	92	90	88	87	77	76	74	72	70
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	78	34	16	121	16	24	121	119	117	115	114	78	76	74	72	70
Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	63	20	3	84	7	5	84	82	80	78	77	63	61	59	57	56
	Tân Thành	120	150	180	61	20	14	70	8	6	70	69	67	66	65	61	60	59	57	55
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	46	15	18	52	3	6	54	53	52	50	49	46	45	44	42	40
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	19	5	33	40	11	-2	37	37	38	39	40	17	15	13	11	5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-8	19	21	53	-2	5	60	63	65	68	70	-15	-18	-21	-25	-29

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

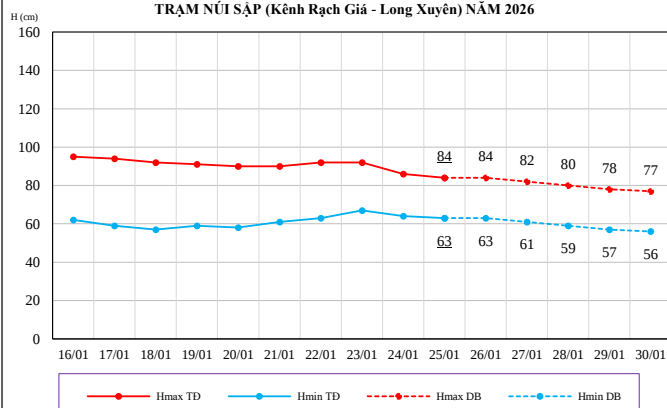




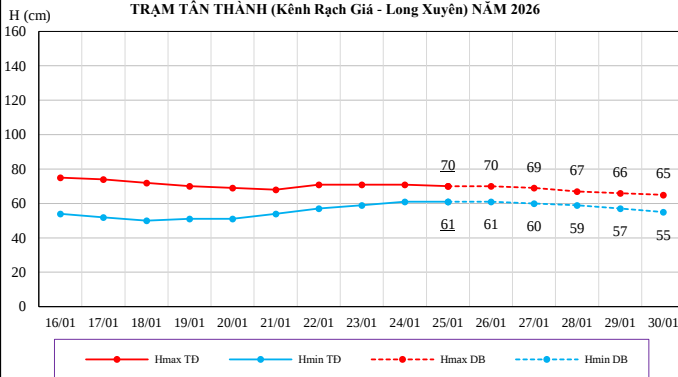
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HẠNH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026



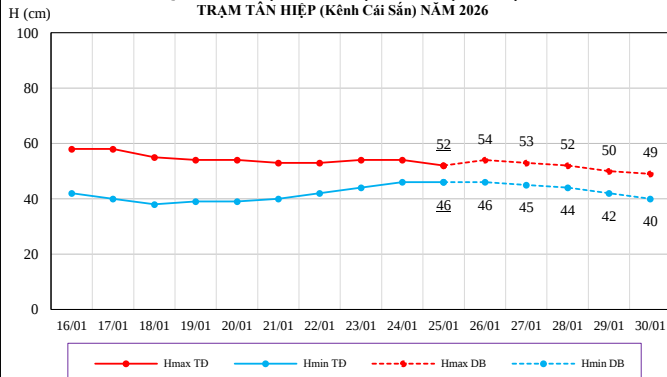
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026



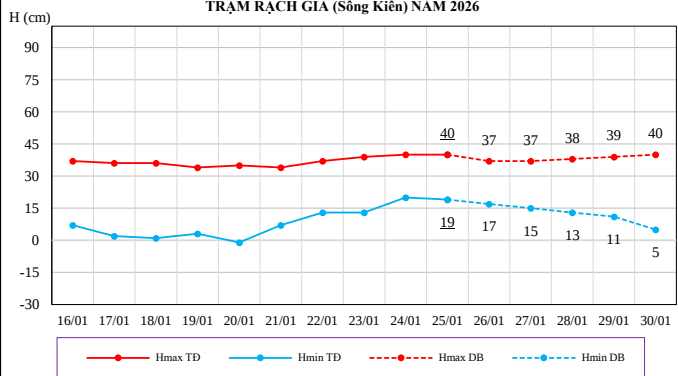
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XÈO RỎ (Sông Cái Lớn) năm 2025

